

**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ**

Số: 49/2006/NĐ-CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2006***NGHỊ ĐỊNH****Về đăng ký và mua, bán tàu biển****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

**NGHỊ ĐỊNH:****Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về đăng ký và mua, bán tàu biển.
2. Việc mua, bán tàu biển không áp dụng quy định của Nghị định này đối với các trường hợp sau đây:
  - a) Tàu biển mua, bán trong nước;
  - b) Tàu biển do doanh nghiệp Việt Nam đóng mới trong nước theo hợp đồng;
  - c) Tàu biển nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các quy định của Nghị định này cũng được áp dụng đối với việc đăng ký và mua, bán tàu công vụ.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến đăng ký và mua, bán tàu biển.

## **Chương II**

### **ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN**

#### **Mục 1**

#### **CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

### **Điều 3. Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam**

Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam bao gồm cơ quan đăng ký tàu biển quốc gia và cơ quan đăng ký tàu biển khu vực.

1. Cơ quan đăng ký tàu biển quốc gia là Cục Hàng hải Việt Nam.
2. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực là Chi cục Hàng hải hoặc Cảng vụ hàng hải.

### **Điều 4. Nhiệm vụ của cơ quan đăng ký tàu biển quốc gia**

1. Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động đăng ký tàu biển Việt Nam tại các cơ quan đăng ký tàu biển khu vực.
2. Tổng hợp, thống kê, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu liên quan đến hoạt động đăng ký và đăng ký thế chấp tàu biển; cung cấp thông tin liên quan cho tổ chức, cá nhân quan tâm.
3. Thống nhất quản lý việc in, phát hành giấy chứng nhận đăng ký và đăng ký thế chấp tàu biển.
4. Hợp tác quốc tế về đăng ký tàu biển.
5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

## **Điều 5. Nhiệm vụ của cơ quan đăng ký tàu biển khu vực**

1. Thực hiện việc đăng ký và đăng ký thế chấp tàu biển theo phạm vi, thẩm quyền.
2. Lập và quản lý Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực được giao; cung cấp thông tin liên quan cho tổ chức, cá nhân quan tâm.
3. Thu, nộp và sử dụng lệ phí đăng ký và đăng ký thế chấp tàu biển theo quy định.
4. Thống kê, báo cáo, cập nhật cơ sở dữ liệu liên quan đến hoạt động đăng ký và đăng ký thế chấp tàu biển.
5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

## **Mục 2**

### **ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

#### **Điều 6. Các hình thức đăng ký tàu biển Việt Nam**

1. Đăng ký tàu biển bao gồm đăng ký không thời hạn, đăng ký có thời hạn, đăng ký lại và đăng ký thay đổi.
  - a) Đăng ký không thời hạn là việc đăng ký tàu biển có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam;
  - b) Đăng ký có thời hạn là việc đăng ký tàu biển trong một thời hạn nhất định, đăng ký có thời hạn áp dụng đối với tàu biển nước ngoài được tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê theo hợp đồng thuê tàu trần hoặc thuê mua hoặc tàu biển nước ngoài đăng ký có thời hạn tại Việt Nam;
  - c) Đăng ký lại là việc đăng ký tàu biển mà trước đây tàu biển đó đã đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam nhưng sau đó đã tạm ngừng đăng ký;
  - d) Đăng ký thay đổi là việc đăng ký tàu biển đã đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam nhưng có sự thay đổi về tên tàu hoặc chủ tàu, kết cấu và thông số kỹ thuật, cơ quan đăng ký tàu biển khu vực, tổ chức đăng kiểm tàu biển.
2. Đăng ký tàu biển tạm thời là việc đăng ký tàu biển trong các trường hợp sau đây:

a) Chưa nộp phí, lệ phí theo quy định;

b) Chưa có Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển nhưng đã có cam kết trong hợp đồng mua, bán tàu biển là Bên bán sẽ giao Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển cho Bên mua trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký biên bản bàn giao tàu. Trong trường hợp này, Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam chỉ có hiệu lực kể từ ngày hai Bên mua, bán ký biên bản bàn giao tàu;

c) Thử tàu đóng mới hoặc nhận tàu đóng mới để đưa về nơi đăng ký trên cơ sở hợp đồng đóng tàu;

d) Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định.

Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam quy định tại khoản này có giá trị 180 ngày, kể từ ngày cấp; trường hợp bất khả kháng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định.

### **Điều 7. Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam**

Trường hợp tổ chức, cá nhân Việt Nam mua tàu biển của nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này mà chưa đăng ký tàu biển tạm thời tại Việt Nam thì cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam để đưa tàu về nước.

### **Điều 8. Giới hạn tuổi tàu biển đăng ký lần đầu tại Việt Nam**

1. Trường hợp đăng ký lần đầu tại Việt Nam, tàu biển đã qua sử dụng phải có tuổi tàu tính từ năm đóng tàu theo quy định sau đây:

a) Tàu khách không quá 10 tuổi;

b) Các loại tàu biển khác không quá 15 tuổi.

Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định, nhưng không quá 5 tuổi đối với mỗi loại tàu biển quy định tại điểm a và b khoản này.

2. Tàu biển nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền thì không áp dụng tuổi tàu biển theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 9. Đặt tên tàu biển và cảng đăng ký**

1. Tên tàu biển do chủ tàu đặt nhưng không được trùng với tên tàu biển đã đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam.

2. Trường hợp lấy tên nhân vật lịch sử hoặc sự kiện lịch sử Việt Nam để đặt tên tàu biển, phải được cơ quan đăng ký tàu biển khu vực chấp thuận theo quy định.

3. Chủ tàu chọn tên cảng đăng ký cho tàu biển của mình theo tên một cảng biển trong khu vực quản lý của cơ quan đăng ký tàu biển khu vực.

### **Điều 10. Hồ sơ đăng ký tàu biển**

#### **1. Đăng ký tàu biển không thời hạn**

Hồ sơ do chủ tàu nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Tờ khai đăng ký tàu biển theo Phụ lục I;
- b) Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển hoặc Biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu đóng mới;
- c) Hợp đồng chuyển quyền sở hữu tàu biển hoặc hợp đồng đóng tàu biển hoặc các bằng chứng có giá trị pháp lý tương đương khác;
- d) Giấy chứng nhận dung tích tàu biển;
- đ) Bản sao hóa đơn nộp phí, lệ phí;
- e) Bản sao Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển;
- g) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.

#### **2. Đăng ký tàu biển có thời hạn**

Hồ sơ do chủ tàu nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Giấy tờ quy định tại các điểm a, d, e, g khoản 1 Điều này;
- b) Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký;
- c) Bản sao hợp đồng thuê mua hoặc thuê tàu trần.

#### **3. Đăng ký lại**

Hồ sơ do chủ tàu nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực bao gồm các giấy tờ quy định tại các điểm a, d, e, g khoản 1 và điểm b khoản 1 hoặc điểm b khoản 2 Điều này.

#### **4. Đăng ký thay đổi**

a) Thay đổi tên tàu biển:

Hồ sơ do chủ tàu nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực gồm văn bản nêu rõ lý do thay đổi tên tàu biển.

b) Thay đổi chủ tàu:

Hồ sơ do chủ tàu nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực bao gồm các giấy tờ quy định tại điểm a, c, đ, g khoản 1 Điều này.

c) Thay đổi kết cấu và thông số kỹ thuật:

Hồ sơ do chủ tàu nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực gồm văn bản nêu rõ lý do thay đổi kết cấu và thông số kỹ thuật tàu biển kèm theo các Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật có liên quan đến thay đổi kết cấu và thông số kỹ thuật của tàu được tổ chức đăng kiểm cấp.

d) Thay đổi cơ quan đăng ký tàu biển khu vực:

Hồ sơ do chủ tàu nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực gồm văn bản nêu rõ lý do chuyển cơ quan đăng ký tàu biển khu vực.

đ) Thay đổi tổ chức đăng kiểm tàu biển:

Hồ sơ do chủ tàu nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực bao gồm văn bản nêu rõ lý do chuyển tổ chức đăng kiểm tàu biển và giấy tờ quy định tại điểm d, e khoản 1 Điều này.

**Điều 11. Hồ sơ đăng ký tàu biển tạm thời và hồ sơ cấp giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam**

1. Đăng ký tàu biển tạm thời

a) Trường hợp chưa nộp phí, lệ phí:

Hồ sơ do chủ tàu nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực bao gồm các giấy tờ quy định tại điểm a, b, c, d, e, g khoản 1 Điều 10 Nghị định này.

b) Trường hợp chưa nộp phí, lệ phí và chưa có Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển:

Hồ sơ do chủ tàu nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực bao gồm các giấy tờ quy định tại điểm a, c, d, e, g khoản 1 Điều 10 Nghị định này.

c) Trường hợp thử tàu đóng mới hoặc nhận tàu đóng mới để đưa về nơi đăng ký trên cơ sở hợp đồng đóng tàu:

Hồ sơ do chủ tàu nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực bao gồm các giấy tờ quy định tại điểm a, c, d, e, g khoản 1 Điều 10 Nghị định này. Trường hợp nhận tàu đóng mới để đưa về nơi đăng ký thì phải có thêm giấy tờ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định này.

2. Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam: chủ tàu phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 12. Hồ sơ đăng ký tàu biển đang đóng**

Chủ tàu phải nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực các giấy tờ sau đây:

1. Các giấy tờ quy định tại điểm a và điểm g khoản 1 Điều 10 Nghị định này.
2. Hợp đồng đóng tàu.
3. Giấy xác nhận tàu đã đặt sống chính của cơ sở đóng tàu.

### **Điều 13. Hồ sơ đăng ký tàu biển loại nhỏ**

1. Tàu biển loại nhỏ là tàu có động cơ với công suất máy chính dưới 75 kW, tàu biển không có động cơ nhưng có tổng dung tích dưới 50 GT hoặc có trọng tải dưới 100 tấn hoặc có chiều dài đường nước thiết kế dưới 20 mét.

2. Hồ sơ đăng ký tàu biển loại nhỏ

Chủ tàu phải nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực các giấy tờ sau đây:

- a) Giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c, đ, g khoản 1 Điều 10 Nghị định này;
- b) Sổ kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu biển.

### **Điều 14. Hồ sơ xóa hoặc tạm ngừng đăng ký tàu biển**

Chủ tàu phải nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực các giấy tờ sau đây:

1. Tờ khai tạm ngừng hoặc xóa đăng ký tàu biển theo Phụ lục II.
2. Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam; trường hợp không còn phải nêu rõ lý do.
3. Giấy chấp thuận cho phép xóa đăng ký của người nhận thế chấp tàu biển đó theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Bộ luật Hàng hải Việt Nam.

### **Điều 15. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển**

1. Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực cấp các giấy chứng nhận sau đây:

- a) Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam theo Phụ lục III;
  - b) Giấy chứng nhận tạm ngừng hoặc xóa đăng ký tàu biển Việt Nam theo Phụ lục IV;
  - c) Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn tàu biển Việt Nam theo Phụ lục V;
  - d) Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam theo Phụ lục VI;
  - đ) Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam đang đóng theo Phụ lục VII.
2. Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực căn cứ hồ sơ lưu trữ để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam theo số đăng ký cũ và ghi chú rõ "cấp lại" cho các trường hợp bị mất hoặc rách nát, hư hỏng.
3. Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trong thời gian chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

### Mục 3

## ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP TÀU BIỂN VIỆT NAM

### Điều 16. Nơi đăng ký thẻ chấp tàu biển Việt Nam

Tàu biển Việt Nam được đăng ký thẻ chấp tại cơ quan đăng ký tàu biển khu vực mà tàu biển đó đăng ký.

### Điều 17. Hồ sơ đăng ký thẻ chấp tàu biển Việt Nam

Hồ sơ đăng ký thẻ chấp tàu biển Việt Nam do chủ tàu hoặc người nhận thẻ chấp nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực bao gồm các giấy tờ sau đây:

1. Tờ khai đăng ký thẻ chấp tàu biển theo Phụ lục VIII.
2. Hợp đồng thẻ chấp tàu biển.

### Điều 18. Hồ sơ xóa đăng ký thẻ chấp tàu biển Việt Nam

Hồ sơ xóa đăng ký thẻ chấp tàu biển Việt Nam do chủ tàu hoặc người nhận thẻ chấp nộp cho cơ quan đăng ký tàu biển khu vực bao gồm các giấy tờ sau đây:

1. Tờ khai xóa đăng ký thẻ chấp tàu biển theo Phụ lục IX.



2. Giấy chứng nhận đăng ký thể chấp tàu biển Việt Nam theo Phụ lục X.
3. Văn bản đồng ý xóa thể chấp tàu biển của người nhận thể chấp tàu biển.

### **Điều 19. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thể chấp tàu biển Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận xóa đăng ký thể chấp tàu biển Việt Nam**

Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực phải ghi vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam việc đăng ký thể chấp hoặc xóa đăng ký thể chấp ngay khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và trong vòng 03 ngày làm việc phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký thể chấp tàu biển Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận xóa đăng ký thể chấp tàu biển Việt Nam theo Phụ lục XI.

## **Mục 4**

### **ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN MANG CỜ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VIỆT NAM**

#### **Điều 20. Đăng ký tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài**

Tàu biển thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam được đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài trong trường hợp sau đây:

1. Tàu biển khai thác trên cơ sở hợp đồng thuê tàu trần hoặc hợp đồng thuê mua tàu được ký kết giữa một bên là tổ chức, cá nhân Việt Nam và một bên là tổ chức, cá nhân nước ngoài.
2. Trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định.

## **Chương III**

### **MUA, BÁN TÀU BIỂN**

#### **Điều 21. Trình tự, thủ tục lập dự án và thẩm quyền quyết định mua, bán tàu biển**

Trình tự, thủ tục lập dự án và thẩm quyền quyết định mua, bán tàu biển thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư.

## **Điều 22. Hình thức mua, bán tàu biển**

Việc mua, bán tàu biển được sử dụng từ vốn nhà nước thực hiện theo hình thức chào hàng cạnh tranh.

## **Điều 23. Điều kiện nhập khẩu tàu biển**

1. Tàu biển nhập khẩu để sử dụng phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Đủ điều kiện được đăng ký tàu biển Việt Nam theo quy định tại Điều 16 Bộ luật Hàng hải Việt Nam và quy định của Nghị định này;

b) Được Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra và xác nhận tàu biển có trạng thái kỹ thuật phù hợp với các yêu cầu về an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế liên quan; trường hợp việc kiểm tra, xác định tình trạng kỹ thuật của tàu do giám định viên độc lập nước ngoài thực hiện thì phải được Đăng kiểm Việt Nam xác nhận;

c) Có Quyết định mua, bán tàu biển của cấp có thẩm quyền.

2. Tàu biển nhập khẩu để phá dỡ phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Không được sửa chữa, hoán cải hoặc phục hồi để sử dụng vào mục đích khác;

b) Có phương án phá dỡ, biện pháp phòng chống cháy, nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Có Quyết định mua, bán tàu biển của cấp có thẩm quyền.

## **Điều 24. Thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tàu biển**

Căn cứ quyết định mua, bán tàu biển, hợp đồng mua, bán tàu biển và biên bản giao nhận tàu biển, cơ quan Hải quan có trách nhiệm làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tàu biển.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

## **Điều 25. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và hủy bỏ Nghị định số 91/CP ngày 23 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ về việc ban

hành Quy chế đăng ký tàu biển và thuyền viên, Nghị định số 23/2001/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đăng ký tàu biển và thuyền viên ban hành kèm theo Nghị định số 91/CP ngày 23 tháng 8 năm 1997 và Nghị định số 99/1998/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 1998 của Chính phủ về quản lý mua, bán tàu biển.

2. Ban hành kèm theo Nghị định này 11 phụ lục.

3. Các giấy chứng nhận, giấy phép liên quan đến đăng ký và mua, bán tàu biển đã được cấp cho tàu biển theo các Nghị định nêu tại khoản 1 Điều này vẫn có giá trị sử dụng.

### **Điều 26. Tổ chức thực hiện**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Phan Văn Khải**

**Phụ lục I**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

.....Ngày..... tháng..... năm.....  
*Date*

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN  
APPLICATION FOR REGISTRATION OF SHIP**

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển)  
*To: (name of the ship Registrar)*

Đề nghị đăng ký tàu biển với các thông số dưới đây:

*This is to kindly request for registration of ship with the following particulars*

Tên tàu: ..... Hô hiệu: ..... Số IMO: .....

*Name of ship Call sign IMO Number*

Chủ tàu (tên, địa chỉ và tỷ lệ sở hữu tàu): .....

*Shipowner(s) (name, address and percentage of ownership)*

Người đề nghị đăng ký: .....

*Name of applicant*

Người quản lý/khai thác (tên, địa chỉ): .....

*Manager/operator (name, address)*

Người thuê tàu (tên, địa chỉ): .....

*Charterer (name, address)*

Loại tàu: ..... Năm đóng: .....

*Type of ship Year of build*

Nơi đóng: ..... Chiều dài lớn nhất: .....

*Place of build Length over all*

Chiều rộng: ..... Chiều cao mạn: .....

*Breadth Depth*

Mớn nước: ..... Tổng dung tích: .....

*Draught Gross tonnage*

Dung tích thực: ..... Trọng tải toàn phần: .....

*Net tonnage Dead weight*

Công suất máy chính: ..... Tổ chức đăng kiểm: .....

*M.E. power Ship register*

Thời hạn đăng ký: ..... Cảng đăng ký: .....

*Time of registration Port of registry*

Hình thức đăng ký: .....

*Type of registration*

Nội dung đăng ký: đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam và đăng ký quyền sở hữu tàu

*Content of registration: flying the Vietnamese flag and the right of ownership*

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

*Applicant*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*(sign, full name and seal)*

**Phụ lục II****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

.....Ngày..... tháng..... năm.....  
Date

**TỜ KHAI TẠM NGỪNG HOẶC XÓA ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN VIỆT NAM  
APPLICATION FOR TEMPORARY SUSPENSION OF REGISTRATION OR  
DEREGISTRATION OF VIETNAM SHIP**

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển)  
To: (name of ship registrar)

Đề nghị tạm ngừng hoặc xóa đăng ký tàu biển Việt Nam với các thông số dưới đây:  
*This is to kindly request for temporary suspension of registration or deregistration  
of Vietnam ship with the following particulars*

Tên tàu: ..... Hồ hiệu: ..... Số IMO: .....  
*Name of ship Call sign IMO Number*

Chủ tàu (tên, địa chỉ và tỷ lệ sở hữu tàu): .....  
*Shipowner(s) (name, address and percentage of ownership)*

Người đề nghị xóa đăng ký: .....  
*Name of application*

Người quản lý/khai thác (tên, địa chỉ): .....  
*Manager/operator (name, address)*

Người thuê tàu (tên, địa chỉ): .....  
*Charterer (name, address)*

Cảng đăng ký: .....  
*Port of registry*

Ngày đăng ký: ..... Số đăng ký: .....  
*Date of registration Number of registration*

Cơ quan đăng ký: .....  
*Ship registrar*

Lý do xin tạm ngừng hoặc xóa đăng ký: .....  
*Reasons to suspend or deregister*

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ***Applicant*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)  
(sign, full name and seal)

09695634

**Phụ lục III**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**



**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN VIỆT NAM  
CERTIFICATE OF VIETNAM SHIP REGISTRY  
TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN KHU VỰC  
(NAME OF THE REGIONAL SHIP REGISTRAR)**

Chứng nhận tàu biển có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

*Hereby certifies that the ship with the following particulars has been registered into The Vietnam National Ships Registration Book:*

Tên tàu: ..... Hồ hiệu: ..... Số IMO: .....  
*Name of Ship Call sign IMO Number*

Chủ tàu hoặc người đề nghị đăng ký (tên, địa chỉ): .....  
*Shipowner or name of applicant (name, address)*

Người quản lý/khai thác (tên, địa chỉ): .....  
*Manager/operator (name, address)*

Nội dung đăng ký: đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam và đăng ký quyền sở hữu tàu  
*Content of registration: flying the Vietnamese flag and the right of ownership*

Loại tàu: ..... Năm đóng: .....  
*Type of ship Year of build*

Nơi đóng: ..... Chiều dài lớn nhất: .....  
*Place of build Length over all*

Chiều rộng: ..... Chiều cao mạn: .....  
*Breadth Depth*

Mớn nước: ..... Tổng dung tích: .....  
*Draught Gross tonnage*

Dung tích thực: ..... Trọng tải toàn phần: .....  
*Net tonnage Dead weight*

Công suất máy chính: ..... Tổ chức đăng kiểm: .....  
*M.E. power Ship register*

Cảng đăng ký: .....  
*Port of Registry*

Tàu ..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam.  
*The ship..... authorized to fly the Vietnamese flag*

Cấp tại....., ngày..... tháng..... năm...  
*Issued at ....., on.....*

Số đăng ký: .....  
*Number of registration*

09695634

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

## Phụ lục IV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**



**GIẤY CHỨNG NHẬN  
TẠM NGỪNG HOẶC XÓA ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN VIỆT NAM  
CERTIFICATE OF TEMPORARY SUSPENSION OF REGISTRATION OR  
DEREGISTRATION OF VIETNAM SHIP**

**TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN KHU VỰC  
(NAME OF THE REGIONAL SHIP REGISTRAR)**

Chứng nhận tàu biển có các thông số dưới đây đã được tạm ngừng hoặc xóa đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam

*Hereby certifies that the ship with the following particulars has been granted temporary suspension of registration or deregistration in the Vietnam National Ships Registration Book*

Tên tàu: ..... Hô hiệu: ..... Số IMO: .....  
*Name of Ship Call sign IMO Number*

Chủ tàu hoặc người đứng tên đăng ký (tên, địa chỉ): .....  
*Shipowner or name of applicant (name, address)*

Người quản lý/khai thác (tên, địa chỉ): .....  
*Manager/operator (name, address)*

Người thuê tàu (tên, địa chỉ): .....  
*Charterer (name, address)*

Số đăng ký: .....  
*Number of registration*

Cơ quan đăng ký: .....  
*Ship registrar*

Ngày có hiệu lực tạm ngừng hay xóa: .....  
*Date of effective*

Lý do xin tạm ngừng hoặc xóa đăng ký: .....  
*Reasons to suspend or deregister*

Cấp tại....., ngày..... tháng ..... năm .....  
*Issued at ....., on.....*

Số Giấy chứng nhận: .....  
*Number of certificate*

## Phụ lục V

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAMGIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN TÀU BIỂN VIỆT NAM  
CERTIFICATE OF TIME REGISTRATION OF VIETNAM SHIPTÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN KHU VỰC  
(NAME OF THE REGIONAL SHIP REGISTRAR)

Chứng nhận tàu biển có các thông số dưới đây đã được đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

*Hereby certifies that the ship with the following particulars has been registered in the Vietnam National Ships Registration Book:*

Tên tàu: ..... Hồ hiệu: ..... Số IMO: .....  
*Name of Ship Call sign IMO Number*

Tên chủ tàu (tên, địa chỉ và tỷ lệ sở hữu tàu): .....  
*Shipowner(s) (name, address and percentage of ownership)*

Người quản lý/khai thác (tên, địa chỉ): .....  
*Manager/operator (name, address)*

Người thuê tàu (tên, địa chỉ): .....  
*Charterer (name, address)*

Nội dung đăng ký: đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam và đăng ký quyền sở hữu tàu  
*Content of registration: flying the Vietnamese flag and the right of ownership*

Loại tàu: ..... Năm đóng: .....  
*Type of ship Year of build*

Nơi đóng: ..... Chiều dài lớn nhất: .....  
*Place of build Length over all*

Chiều rộng: ..... Chiều cao mạn: .....  
*Breadth Depth*

Mớn nước: ..... Tổng dung tích: .....  
*Draught Gross tonnage*

Dung tích thực: ..... Trọng tải toàn phần: .....  
*Net tonnage Dead weight*

Công suất máy chính: ..... Tổ chức đăng kiểm: .....  
*M.E. power Ship register*

Cảng đăng ký: .....  
*Port of Registry*

Cấp tại ....., ngày ....., tháng ....., năm ...  
*Issued at ....., on .....*

Số đăng ký: .....  
*Number of registration*

09695634



## Phụ lục VI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU BIỂN VIỆT NAM  
CERTIFICATE OF PROVISIONAL REGISTRATION OF VIETNAM SHIP

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN KHU VỰC  
(NAME OF THE REGIONAL SHIP REGISTRAR)

Chứng nhận tàu biển có các thông số dưới đây đã được đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

*Hereby certifies that the ship with the following particulars has been registered in the Vietnam National Ships Registration Book:*

Tên tàu: ..... Hô hiệu: ..... Số IMO: .....  
*Name of ship Call sign IMO Number*

Tên chủ tàu (tên, địa chỉ và tỷ lệ sở hữu tàu): .....  
*Shipowner(s) (name, address and percentage of ownership)*

Người quản lý/khai thác (tên, địa chỉ): .....  
*Manager/operator (name, address)*

Người thuê tàu (tên, địa chỉ): .....  
*Charterer (name, address)*

Nội dung đăng ký: đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam và đăng ký quyền sở hữu tàu  
*Content of registration: flying the Vietnamese flag and the right of ownership*

Loại tàu: ..... Năm đóng: .....  
*Type of ship Year of build*

Nơi đóng: ..... Chiều dài lớn nhất: .....  
*Place of build Length over all*

Chiều rộng: ..... Chiều cao mạn: .....  
*Breadth Depth*

Món nước: ..... Tổng dung tích: .....  
*Draught Gross tonnage*

Dung tích thực: ..... Trọng tải toàn phần: .....  
*Net tonnage Dead weight*

Công suất máy chính: ..... Tổ chức đăng kiểm: .....  
*M.E. power Ship register*

Cảng đăng ký: .....  
*Port of Registry*

Tàu ..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam.  
*The ship..... authorized to fly the Vietnamese flag*

Giấy chứng nhận có giá trị đến ngày: .....  
*Valid until*

Cấp tại....., ngày..... tháng..... năm.....  
*Issued at ....., on.....*

Số đăng ký: .....  
*Number of registration*

09695634

LawSoft \* Tel: +84 8 3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

**Phụ lục VII**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**



**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN ĐANG ĐÓNG**  
CERTIFICATE OF REGISTRY OF SHIP UNDER CONSTRUCTION

**TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN KHU VỰC**  
(NAME OF THE REGIONAL SHIP REGISTRAR)

Chứng nhận tàu biển đang đóng có các thông số thiết kế dưới đây đã được đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam.

*Hereby certifies that the ship under construction with the following designed particulars has been registered in the Vietnam National Ships Registration Book*

Tên tàu: .....

*Name of ship*

Chủ tàu: .....

*Shipowner(s)*

Loại tàu:..... Đặt ky ngày:.....

*Type of ship*

*Date of keel laying*

Nơi đóng:..... Chiều dài lớn nhất:.....

*Place of build*

*Length over all*

Chiều rộng:..... Chiều cao mạn:.....

*Breadth*

*Depth*

Mớn nước:..... Tổng dung tích:.....

*Draught*

*Gross tonnage*

Dung tích thực:..... Trọng tải toàn phần:.....

*Net tonnage*

*Dead weight*

Công suất máy chính:..... Tổ chức đăng kiểm:.....

*M.E. power*

*Ship register*

Cấp tại....., ngày..... tháng..... năm...

*Issued at ....., on.....*

Số đăng ký:.....

*Number of registration*

09695634

**Phụ lục VIII****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

.....Ngày..... tháng..... năm.....  
Date

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP TÀU BIỂN  
APPLICATION FOR REGISTRATION OF SHIP MORTGAGE**

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký)  
To: (name of ship registrar)

Căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản số:.....đã được ký kết ngày..... tháng..... năm.....  
giữa .....với....., đề nghị..... đăng ký thế  
chấp tàu biển sau đây vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại.....  
.....kể từ ngày..... tháng..... năm.....

Based on the Mortgage Contract No:..... signed between.....dated  
....., hereby request ..... to register the mortgage of following ship into  
Vietnam National Ships Registration Book at ..... from the date of.....

Tên tàu (Name of ship):..... Hồ hiệu (Callsign).....

Loại tàu (Type of ship): .....

Chủ tàu (Shipowner(s)):.....

Năm và nơi đóng (Year and place of build):.....

Chiều dài/rộng/cao (LOA/B/H):..... Trọng tải toàn phần (DWT):.....

Tổng dung tích (GT):..... Dung tích thực (NT): .....

Số đăng ký (Number of registration.):..... Ngày đăng ký (Date of registration): .....

Người thế chấp (Mortgagor):.....

Người nhận thế chấp (Mortgagee):.....

Thời gian đăng ký thế chấp: từ ngày..... đến ngày .....

Mortgage registration requested from .....to.....

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ***Applicant*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*(sign, full name and seal)*

**Phụ lục IX**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

.....Ngày..... tháng..... năm.....  
*Date*

**TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP TÀU BIỂN  
APPLICATION FOR DEREGISTRATION OF SHIP MORTGAGE**

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký)  
*To: (name of ship registrar)*

Căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản số:.....đã được ký kết ngày..... tháng.... năm .....  
giữa.....với.....  
đề nghị xóa đăng ký thế chấp tàu biển sau đây trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt  
Nam kể từ ngày.....

*Based on the Mortgage Contract No..... signed between..... and.....  
dated....., hereby request to deregister the mortgage of following ship in the  
Vietnam National Ship Registration Book from the date of .....*

Tên tàu (*Name of ship*):..... Hô hiệu (*Callsign*) .....

Loại tàu (*Type of ship*): .....

Chủ tàu (*Shipowner*): .....

Số đăng ký (*Number of registration*)..... Ngày đăng ký (*Date of registration*)

Người thế chấp  
(*Mortgagor*): .....

Người nhận thế chấp  
(*Mortgagee*): .....

Ngày xóa thế chấp:.....  
*Date of deregistry of mortgage*

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

*Applicant*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)  
*(sign, full name and seal)*

090.56634

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

**Phụ lục X****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP TÀU BIỂN  
CERTIFICATE OF SHIP MORTGAGE REGISTRY  
(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN KHU VỰC)  
(NAME OF THE REGIONAL SHIP REGISTRAR)**

Chúng nhận tàu biển có các thông số dưới đây đã được đăng ký thẻ chấp trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

*Hereby certifies that the ship with the following particulars has been granted the mortgage registration in the Vietnam National Ships Registration Book:*

Tên tàu (*Name of ship*):..... Hô hiệu (*Callsign*) .....

Loại tàu (*Type of ship*): .....

Chủ tàu (*Shipowner(s)*): .....

Năm và nơi đóng (*Year and place of build*): .....

Chiều dài/rộng/cao (*LOA/B/H*):..... Trọng tải toàn phần (*DWT*): .....

Tổng dung tích (*GT*):..... Dung tích thực (*NT*):.....

Số đăng ký (*Number of Registration*):..... Ngày đăng ký (*Date of registration*).....

Người thế chấp (*Mortgagor*): .....

Người nhận thế chấp (*Mortgagee*): .....

Thời gian đăng ký thế chấp: từ ngày..... đến ngày .....

*Mortgage registration requested from .....to .....*

Cấp tại....., ngày..... tháng..... năm...

*Issued at ....., on.....*

Số đăng ký:.....

*Number of registration*

**Phụ lục XI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**



**GIẤY CHỨNG NHẬN  
XÓA ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP TÀU BIỂN  
CERTIFICATE OF SHIP DEMORTGAGE REGISTRY**

**(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN KHU VỰC)  
(NAME OF THE REGIONAL SHIP REGISTRAR)**

Chứng nhận tàu biển có các thông số dưới đây đã được xóa đăng ký thế chấp trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

*Hereby certifies that the ship with the following particulars has been granted the demortgage registration in the Vietnam National Ships Registration Book:*

Tên tàu (*Name of ship*):..... Hồ hiệu (*Callsign*) .....

Loại tàu (*Type of ship*):.....

Chủ tàu (*Shipowner(s)*):.....

Năm và nơi đóng (*Year and place of build*): .....

Chiều dài/rộng/cao (*LOA/B/H*):..... Trọng tải toàn phần (*DWT*): .....

Tổng dung tích (*GT*):..... Dung tích thực (*NT*):.....

Số đăng ký (*Number of Registration*):..... Ngày đăng ký (*Date of registration*).....

Người thế chấp (*Mortgagor*): .....

Người nhận thế chấp (*Mortgagee*): .....

Giấy chứng nhận đăng ký thế chấp số:.....Cấp ngày.....

*Morgage Certification Number*:.....*Dated*.....

Xóa đăng ký thế chấp từ ngày..... đến ngày

*Mortgage deregistration: from.....to.....*

Cấp tại....., ngày..... tháng..... năm.....

*Issued at ....., on.....*

Số Giấy chứng nhận:.....

*Number of certificate*

09695634

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com